**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

# MÔN: TOÁN - LỚP 3B

**Tên bài học: Xăng-ti-mét vuông  ( Tiết 1 ); số tiết: 2**

**Thời gian thực hiện: Thứ Ba ngày 22 tháng 4 năm 2025**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết biểu tượng 1 cm2 (diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 cm).

- Nhận biết độ lớn của 1 cm 2, kí hiệu.

- Bước đầu phân biệt chu vi và diện tích của hình, thực hiện phép tính với số đo diện tích.

**-** Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**

- Bộ thiết bị dạy toán; bảng phụ, bảng nhóm.

**2. Học sinh**

- Bộ thiết bị học toán, giấy kẻ ô vuông ( mỗi ô có cạnh dài 1 cm)

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **5 phút**  **17 phút**  **10 phút**  **3 phút** | **1. Hoạt động Mở đầu:**  - GV tổ chức hát để khởi động bài học.  **-** GV cho HS quan sát hình ảnh thực tế và hỏi:  + Để đo chu vi của phòng học của mình, ta có thể dùng các đơn vị đo nào?  + Để đo chu vi của một hình, ta có thể dùng các đơn vị đo nào? (GV cho xem nhình cụ thể)  - GV gọi 1 HS nêu nhận xét  - GV nhận xét, kết nối dẫn dắt HS vào nội dung bài học. GV ghi tên bài lên bảng.  **2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới:**  **Hoạt động 1:** Khám phá  - GV nêu:  +Xăng-ti-mét vuông là một đơn vị đo diện tích.  + 1 xăng-ti-mét vuông là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 cm.  + Xăng-ti-mét vuông viết tắt là cm2  (GV vừa nói vừa viết lên bảng.)  - Nhận biết độ lớn của 1 cm2.  **-** Yêu cầuHS tô màu một ô vuông trên giấy kẻ ô vuông cạnh 1 cm.  + Nhận biết diện tích một móng tay (ngón cái hoặc ngón trỏ) khoảng 1 cm2  + Dùng tay xoa lên bề mặt của hình vuông và nói: “ Đây là 1 cm2  + 1 cm2 là diện tích của của hình vuông có cạnh dài 1 cm.  - Gọi 1 HS nhắc lại.  **3. Hoạt động Luyện tập thực hành:**  **Hoạt động 2:** Luyện tập  Bài 1: Cả lớp  - GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập  - GV hướng dẫn HS viết số đo diện tích theo mẫu  - Yêu cầu HS làm bài vào bảng con  - GV nhận xét, đưa ra đáp án đúng.  Bài 2: Cá nhân  - GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập  - GV hướng dẫn HS đếm số ô vuông ở mỗi hình rồi viết và đọc số đo diện tích theo mẫu  - Yêu cầu HS làm bài vào phiếu BT.  - GV nhận xét, đưa ra đáp án đúng.  - GV nhận xét, đưa ra đáp án đúng  **4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm:**  - GV cho các em quan sát hình  - GV giới thiệu hình: Các hình bên được tạo bởi các hình vuông có cạnh 1cm.  - GV yêu cầu: Các em hãy tính diện tích của từng hình trên.  - GV hỏi kết quả từng hình.  - Theo hiệu lệnh của GV, HS thao tác với hình trước mặt. - GV chốt và nhắc lại kiến thức đã học.  - Nhận xét tiết học  - Dặn dò HS chuẩn bị cho tiết sau. | - HS hát  - HS quan sát hình và trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe và nhắc lại tên bài học.  - HS quan sát  - HS lắng nghe  - HS dùng 1 ô vuông cạnh 1 cm đã chuẩn bị để nhận biết độ lớn của 1 cm2.  - HS thực hiện theo hướng dẫn.  - HS lắng nghe.  - Gọi 1 HS nhắc lại cách so sánh diện tích thứ nhất.  - HS nêu yêu cầu bài tập  - HS làm bài vào bảng con.  - HS chia sẻ kết quả trước lớp. Cả lớp nhận xét, bổ sung.  ***Đáp án***  *a) Mười bảy xăng-ti-mét vuông: 17 cm2*  *b) Một trăm tám mươi tư xăng-ti-mét vuông: 184 cm2*  *c) Sáu trăm chín mươi lăm xăng-ti-mét vuông: 695 cm2*  - HS nêu yêu cầu bài tập  - HS làm bài vào phiếu BT.  - HS chia sẻ kết quả trước lớp. Cả lớp nhận xét, bổ sung.  ***Đáp án***  *\* Hình A: Có 6 ô vuông, mỗi ô vuông có diện tích 1 cm2*  *+ Viết: 6 cm2*  *+ Đọc: Sáu xăng-ti-mét vuông.*  *\* Hình B: Có 8 ô vuông, mỗi ô vuông có diện tích 1 cm2*  *+ Viết: 8 cm2*  *+ Đọc: Tám xăng-ti-mét vuông.*  *\* Hình C: Có 12 ô vuông, mỗi ô vuông có diện tích 1 cm2*  *+ Viết: 12 cm2*  *+ Đọc: Mười hai xăng-ti-mét vuông.*  - HS quan sát và lắng nghe  => HS tính kết quả.  - HS thao tác theo hiệu lệnh của GV.  - HS lần lượt trả lời, giải thích cách tìm kết quả.  - Lớp nhận xét bằng thẻ Đ/S |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY: ……………………………………………...**

**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….**